

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

M.S.

Hà Nội, tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

MỤC LỤC

<u>NOI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2024	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07-08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-28

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kỳ từ 01/07/2024 đến 30/09/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Mạnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/9/2023
Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/9/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

Ông: Phạm Xuân Lãng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 13/02/2023
Bà: Vũ Thị Ngọc	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 13/02/2023

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm cho kỳ này, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai,

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Văn Mạnh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4	94 674 332 462	451 067 440 526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2 730 480 966	26 994 133 341
1 Tiền	111		2 730 480 966	6 994 133 341
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	20 000 000 000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	39 713	39 713
1 Chứng khoán kinh doanh	121		35 799 713	35 799 713
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35 760 000)	(35 760 000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34 633 934 835	378 672 730 104
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	25 143 693 759	60 899 050 182
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7 215 876 000	317 431 673 023
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2 274 365 076	342 006 899
IV. Hàng tồn kho	140	9	54 981 416 753	43 178 559 446
1 Hàng tồn kho	141		54 981 416 753	43 178 559 446
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2 328 460 195	2 221 977 922
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	-	65 680 982
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2 328 460 195	2 156 296 940
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		365 362 443 279	27 706 502 708
II. Tài sản cố định	220		8 655 107 426	13 198 236 166
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	5 459 607 441	8 167 569 510
- Nguyên giá	222		7 157 465 579	9 557 465 579
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1 697 858 138)	(1 389 896 069)
3 Tài sản cố định vô hình	227	12	3 195 499 985	5 030 666 656
- Nguyên giá	228		6 160 000 000	7 700 000 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2 964 500 015)	(2 669 333 344)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	9 462 538 343	12 917 200 616
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9 462 538 343	12 917 200 616
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		345 870 704 263	-
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		327 170 704 263	-
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18 700 000 000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1 374 093 247	1 591 065 926
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1 374 093 247	1 591 065 926
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		460 036 775 741	478 773 943 234

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		56 109 595 243	74 140 651 302
I. Nợ ngắn hạn	310		56 109 595 243	74 140 651 302
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7 704 392 803	32 975 626 874
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	108 466 897	197 330 304
4 Phải trả người lao động	314		353 090 001	1 562 467 297
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		175 000 000	359 858 904
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	12 723 798 969	664 024 967
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		34 999 753 617	37 810 000 000
- Các khoản đi vay ngắn hạn			34 999 753 617	37 810 000 000
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	-	526 250 000
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45 092 956	45 092 956
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		403 927 180 498	404 633 291 932
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	403 927 180 498	404 633 291 932
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		296 599 910 000	296 999 910 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296 599 910 000	296 999 910 000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		18 918 962 963	18 918 962 963
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		195 900 595	195 900 595
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77 797 581 195	77 569 402 392
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước	421a		78 003 300 047	64 537 125 057
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(205 718 852)	13 032 277 335
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10 414 825 745	10 949 115 982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		460 036 775 741	478 773 943 234

[Signature]

Phạm Thị Bích Liên
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

[Signature]

Phạm Xuân Lăng
Kế Toán Trưởng



[Signature]
Lê Văn Mạnh
Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2024	Quý III/2023	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	15 085 623 225	24 466 495 484	42 161 431 742	77 513 103 744
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-	-	102 455
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		15 085 623 225	24 466 495 484	42 161 431 742	77 513 001 289
4 Giá vốn hàng bán	11	21	13 656 109 934	13 183 426 842	36 939 339 566	60 533 313 576
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1 429 513 291	11 283 068 642	5 222 092 176	16 979 687 713
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	290 083	1 784 083 038	545 704 105	2 056 378 851
7 Chi phí tài chính	22	23	353 856 641	839 292 817	2 080 027 327	1 328 891 967
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		353 856 641	839 292 817	2 080 027 327	1 328 891 967
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(190 268 782)		(229 295 737)	
9 Chi phí bán hàng	25	24	143 751	427 098 028	23 354 778	427 385 530
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	988 033 679	2 100 326 272	3 548 907 814	6 915 564 562
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+(24-(25+26))	30		(102 499 479)	9 700 434 563	(113 789 375)	10 364 224 505
12 Thu nhập khác	31	26	-	-	-	2 415 000
13 Chi phí khác	32	27	24 594 871	201 730 309	56 241 345	207 617 232
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(24 594 871)	(201 730 309)	(56 241 345)	(205 202 232)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2024	Quý III/2023	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(127 094 350)	9 498 704 254	(170 030 720)	10 159 022 273
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	50 303 166	121 509 876	55 604 597	512 866 877
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28			-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(177 397 516)	9 377 194 378	(225 635 317)	9 646 155 396
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(157 340 550)	9 312 037 300	(205 718 852)	9 518 958 453
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(20 056 966)	65 157 078	(19 916 465)	127 196 943
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	29	(5.97)	395	(7.60)	407

[Handwritten signature]

Phạm Thị Bích Liên
 Người lập
 Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Phạm Xuân Lăng
 Kế Toán Trưởng



Lê Văn Mạnh
 Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	77 848 373 957	131 926 031 216
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(115 402 120 905)	(377 516 089 802)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2 262 361 136)	(3 864 015 599)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2 287 525 696)	(1 328 891 967)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(59 125 507)	(1 140 682 775)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	377 718 478 017	133 146 285 093
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22 459 687 430)	(5 853 427 554)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	313 096 031 300	(124 630 791 388)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(9 131 364)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70 500 000 000)	(111 000 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70 500 000 000	81 000 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(332 380 000 000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10 500 000 000	34 600 000 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10 200 000 000	544 898 082
<i>Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn (TM doanh thu HĐTC)</i>		10 200 000 000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(311 680 000 000)	5 135 766 718
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	600 000
3. Tiền thu từ đi vay	33	34 999 753 617	37 910 000 000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(37 810 000 000)	(310 000 000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35)</i>	40	(2 810 246 383)	37 600 600 000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	(1 394 215 083)	(81 894 424 670)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4 124 696 049	90 281 015 044
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	70	2 730 480 966	8 386 590 374

Phạm Thị Bích Liên
 Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Phạm Xuân Lãng
 Kế Toán Trưởng

Lê Văn Mạnh
 Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận
Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 296.999.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến 30/09/2024 là 296 999 910 000 VND; tương đương 29 699 991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10 000 đồng.

Công ty đang được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN theo Công văn ngày 29/07/2010. Ngày giao dịch cổ phiếu CVN đầu tiên là 06/08/2010.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại 30/09/2024 là 07 người

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Cấu trúc Công ty

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 03

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/09/2024 là: 33 công ty

Tên Công ty	Vốn thực góp tại 30/09/2024	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
	VND		
- Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (1)	49 940 000 000	99.98%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
- Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (2)	38 868 000 000	81.20%	Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).
Công ty CP Công nghệ cao G7 (3)	68 600 000 000	98.00%	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
Danh sách các Công ty góp vốn liên doanh liên kết tại ngày 30/09/2023			
	Vốn thực góp tại 30/09/2024	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Tên Công ty			

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM BA ĐÌNH

Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

14 700 000 000

49.00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM NGHỆ AN	14 700 000 000	49.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB PHÁP VÂN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE PHÁP VÂN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HƯNG YÊN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HẢI DƯƠNG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CỔ PHẦN FAMICARE HUNG YÊN	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG BÌNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TRÁ VINH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH LONG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB AN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TIỀN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP FAMICARE QUẢNG BÌNH	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
CÔNG TY CP FAMICARE HẢI DƯƠNG	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TUYÊN QUANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GIA LAI	7 000 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CP FAMICARE ĐÔNG NAI	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẮC NINH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀI PHÒNG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẬN 5	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB GÒ VẤP	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TÂN AN	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB HÀ TĨNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP MEDICARE HỮU NGHỊ	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB VĨNH PHÚC	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐÔNG THÁP	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP FAMICARE VĨNH LONG	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KIÊN GIANG	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP FAMICARE KIÊN GIANG	3 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BẠC LIÊU	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP PHÒNG KHÁM MEDICARE NINH BÌNH	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB TÂY NINH	7 500 000 000	25.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP HEALTHCARE QUẬN 12	13 500 000 000	45.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB KON TUM	7 500 000 000	25.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB BIÊN HÒA	10 500 000 000	35.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
Cộng	327 400 000 000		
Danh sách các Công ty đầu tư khác tại ngày 30/09/202			
CÔNG TY CP FAMICARE HẢI PHÒNG	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE HÒA BÌNH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE BẮC NINH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB ĐÀ NẴNG	3 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
CÔNG TY CP FAMICARE HÀ TĨNH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE NINH BÌNH	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM GOLAB QUẢNG NGÃI	5 700 000 000	19.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CP FAMICARE VINH PHÚC	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE ĐÀ NẴNG	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE NGHỆ AN	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE 3/2	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
CÔNG TY CP FAMICARE GÒ VẤP	1 000 000 000	10.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, tiêm và truyền dịch .
Cộng	18 700 000 000		

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thể thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thể thương mại còn chưa phân bổ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối
Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp Doanh thu được xác định tương đối
Có khả năng thu được lợi ích kinh
Xác định được phần công việc đã
Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh
Doanh thu được xác định tương đối

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Tiền mặt	1 979 600 617	6 563 294 359
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	750 880 349	430 838 982
	<u>2 730 480 966</u>	<u>6 994 133 341</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHINH

Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	35 799 713	39 713 (35 760 000)	35 799 713	39 713 (35 760 000)
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP) (i)	35 799 713	39 713 (35 760 000)	35 799 713	39 713 (35 760 000)
		39 713 (35 760 000)	35 799 713	39 713 (35 760 000)

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 giá trị hợp lý các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư với công ty niêm yết đến thời điểm 30/09/2024. Đối với các công ty chưa niêm yết, công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Tầng 1, Lô BT5 - O số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng
 Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2024	01/01/2024
	Giá trị	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện SARA (i)	1 321 093 720	6 128 007 720
Công ty Cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam	383 211 998	1 796 932 593
Công ty Cổ phần Omega Việt Nam	187 674 000	
Bệnh viện sản nhi Phú Thọ	21 000 000	
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE NGÃ BÀ Y	310 120 894	
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	12 411 500 000	15 185 762 300
KYOTO F&B Co., LTD	-	18 309 564 000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật cao Cần Thơ	2 887 500 000	
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NBG	484 148 697	5 072 285 369
Công ty TNHH Thương mại AT & T	7 041 468 000	
Công ty CP đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	-	5 405 400 000
Công ty TNHH Môi Trường Y Tế Kỹ Công Nghệ Cao Cần Thơ	32 793 700	
Công ty cổ phần phòng khám Hòa Bình	-	8 508 102 000
Công ty Cổ phần Đầu tư Lou	63 182 750	492 996 200
Các đối tượng khác	25 143 693 759	60 899 050 182

CONG TY CO PHAN VINAM VA CAC CONG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn	-	17 363 378 543
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	-	34 500 000 000
Công ty cổ phần đầu tư bệnh viện Sara	-	39 000 000 000
Công ty cổ phần Sara Việt Nam	1 380 750 000	
CÔNG TY TNHH JWB CO.LTD	5 587 626 000	
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao	-	37 500 000 000
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường cân thơ	-	17 485 000 000
Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật cao cân thơ	-	21 888 000 000
Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật	-	30 650 000 000
Công ty CP đầu tư LOU	-	17 000 000 000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Máy nông nghiệp Hòa Bình	-	101 719 970 000
Phải trả khác	247 500 000	325 324 480
	7 215 876 000	- 317 431 673 023

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.***8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2024	01/01/2024
Tạm ứng		80 846 400
Đặt cọc tiền nhà		15 000 000
Cho mượn		-
Các khoản chi hộ		-
Phải thu khác	2 274 365 076	246 160 499
	2 274 365 076	342 006 899

9 HÀNG TỒN KHO

	30/09/2024	01/01/2024
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu		58 867 815
Công cụ, dụng cụ		
Hàng hoá	54 981 416 753	43 119 691 631
	54 981 416 753	43 178 559 446

10 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2024	01/01/2024
Mua sắm tài sản cố định		
Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i)	2 958 460 035	2 845 162 035
Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii)	6 090 503 830	6 090 503 830
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Thanh Sơn (iii)		
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Ba Đình (iv)		3 454 662 273
Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Nguyễn Thái Sơn (v)		
Máy tiệt trùng thực phẩm RCS-120		
Mua sắm tài sản cố định khác	413 574 478	526 872 478
	9 462 538 343	12 917 200 616

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	7 157 465 579	12 767 422 606
Mua sắm		612 886 269
Giảm khác	-	(3 822 843 296)
Tại ngày 30/09/2024	7 157 465 579	9 557 465 579
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	(1 109 896 076)	757 332 057
Trích khấu hao	(587 962 062)	943 949 412
Giảm khác	-	(311 385 400)
Tại ngày 30/09/2024	(1 697 858 138)	1 389 896 069
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024		12 010 090 549
Tại ngày 30/09/2024	5 459 607 441	8 167 569 510

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	6 160 000 000	9 240 000 000
Tại ngày 30/09/2024	6 160 000 000	7 700 000 000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	2 156 000 009	1 591 333 331

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CONTầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận
Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

Trích khấu hao	808 500 016	1 078 000 013
Tại ngày 30/09/2024	(2 964 500 025)	2 669 333 344
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024		7 648 666 669
Tại ngày 30/09/2024	3 195 499 975	5 030 666 656

13 TÀI SẢN NGẮN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	0	64032000
Công cụ dụng cụ xuất dùng		0
Chi phí đi vay		0
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		1648982
	<u>-</u>	<u>65 680 982</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thành lập doanh nghiệp		-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất		-
Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp		-
Tiền thuê đất	1 268 735 164	1 290 334 605
Chi phí thuê nhà xưởng		-
Chi phí tác quyền		109 080 154
Công cụ dụng cụ xuất dùng		-
Chi phí mua bảo hiểm		-
Chi phí trả trước dài hạn khác	105 358 083	191 651 167
	<u>1 374 093 247</u>	<u>1 591 065 926</u>

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá trị	Giá trị
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH IVFTECH	-	81 160 000
Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO		
Công ty TNHH Thương mại AT&T	73 080 000	-
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco		-
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Cysina Việt Pháp	-	1 254 956 000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ		7 217 100 000
Công ty TNHH thiết bị y học nhật	7 128 000 000	
Công ty cổ phần Kanpeki	-	
Công ty CP sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	-	19 471 000 000
Công ty Cổ phần ME77 Việt Nam	171 710 002	
Công ty cổ phần Sara Việt Nam	25 690 000	2 881 440 000
KYOTO CO., LTD	78 274 220	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN	-	-
Các đối tượng khác	227 638 581	1 132 971 674
	<u>7 704 392 803</u>	<u>32 038 627 674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Các loại thuế	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế Giá trị gia tăng				
Thuế Tiêu thụ đặc biệt				
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	107 046 499	55 604 597	59 125 507	103 525 589
Thuế Thu nhập cá nhân	90 283 805	26 795 083	82 967 177	4 941 308
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12 000 000	12 000 000	-
Cộng	197 330 304	94 399 680	154 092 684	108 466 897

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2024	01/01/2024
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội	15 517 223	
Bảo hiểm y tế	2 854 097	6 782 443
Bảo hiểm thất nghiệp	1 525 905	
Phải trả về cổ phần hoá		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		474 000 000
Phải trả lãi vay		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12 703 901 744	183 242 524
	12 723 798 969	664 024 967
	30/09/2024	01/01/2024

17 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	526 250 000	526 250 000
	526 250 000	526 250 000

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2024	01/01/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	296 999 910 000	296 999 910 000
Vốn góp đầu kỳ		
Vốn góp tăng trong kỳ	-	
Vốn góp giảm trong kỳ	-	
Vốn góp cuối kỳ này	296 999 910 000	296 999 910 000

d) Cổ phiếu

	30/09/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29 699 991	29 699 991
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29 699 991	29 699 991
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29 699 991	29 699 991
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29 699 991	29 699 991
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29 699 991	29 699 991
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10 000	10 000

e) Các quỹ công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

	30/09/2024	01/01/2024
Quý đầu tư phát triển	195 900 595	195 900 595
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	195 900 595	195 900 595
19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
Doanh thu bán thành phẩm		
Doanh thu bán hàng hóa	15 085 623 225	24 466 495 484
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
	15 085 623 225	24 466 495 484
20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán bị trả lại		-
Giảm giá hàng bán		-
	-	-
21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13 656 109 934	13 183 426 842
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
	13 656 109 934	13 183 426 842
22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	290 083	1 784 083 038
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
Lãi bán các khoản đầu tư		-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm		-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm		-
	290 083	1 784 083 038
23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
Lãi tiền vay	353 856 641	839 292 817
Dự phòng tổn thất đầu tư		
Chi phí tài chính khác		
	353 856 641	839 292 817
24 CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
	-	-
25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023

Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2024
đến ngày 30/09/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

Chi phí nhân công	371 433 310	933 435 991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	359 100 690	768 448 363
Thuế, phí, lệ phí	29 169 877	3 604 333
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187 324 525	373 802 099
Chi phí khác bằng tiền	41 005 277	21 035 486
	988 033 679	2 100 326 272

Thu nhập khác

Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
---------------------------------	---------------------------------

-	-
-	-

27 CHI PHÍ KHÁC

Chi phí khác

Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
---------------------------------	---------------------------------

24 594 871	201 730 309
24 594 871	201 730 309

28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH*Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính*

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
---------------------------------	---------------------------------

(481 955 620)	9 498 704 254
	121 509 876

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

Lợi nhuận sau thuế
Các khoản điều chỉnh*Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi**Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế*

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân kỳ này

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023
---------------------------------	---------------------------------

(157 340 550)	9 377 194 378
-	-
-	-
(157 340 550)	9 377 194 378
29 699 991	23 714 831
(5.00)	395

21 SỐ LIỆU SO SÁNH

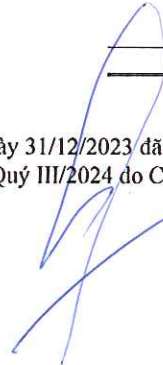


Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2024 là số liệu của ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán chuyển sang và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý III/2024 do Công ty tự lập.



Phạm Thị Bích Liên

Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Phạm Xuân Lăng

Kế Toán Trưởng

Lê Văn Mạnh

Giám Đốc